

Bản án số: 508/2024/DS-PT

Ngày: 20 - 12 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Cao Khánh.

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Hùng Quang.

Ông Nguyễn Thành Lập.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 412/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 281/2024/DSST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 438/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1988; Cư trú tại: 1 đường L, Khóm A, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1974; Cư trú tại: 4, Q, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 31/7/2021) (có mặt).

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1962; Cư trú tại: B, ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Trần Đông H, sinh năm 1994; Cư trú tại: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đỗ Thị Thùy N1, sinh năm: 1995; Cư trú tại: B, ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Mỹ D – Là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T có cho bà Nguyễn Thị Mỹ D vay tiền, cụ thể:

-Lần 1: Bà D vay số tiền 50.000.000 đồng, có ký hợp đồng vay tiền ngày 06/7/2018, lãi suất hai bên thỏa thuận 1,66%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, bà D có thể chấp phân đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Mỹ D.

-Lần 2: Bà D vay 130.000.000 đồng, viết biên nhận ngày 03/02/2020 nhằm ngày 10/01/2020 âm lịch số tiền 180.000.000 đồng. Trong đó có số tiền 50.000.000 đồng cộng thêm 130.000.000 đồng nên hai bên viết biên nhận tổng nợ 180.000.000 đồng, lãi suất 1.66%/tháng. Tại biên nhận này bà D không có ký tên con của bà D là bà Đỗ Thị Thùy N1 ký nhận nợ thay. Số tiền này bà D vay không phải bà N1 vay nên bà T chỉ yêu cầu trách nhiệm bà D trả nợ không tính đến trách nhiệm bà N1.

Nay bà T yêu cầu bà D thanh toán số tiền vốn là 172.500.000 đồng và tiền lãi suất trên số tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 06/7/2018 đến ngày 06/7/2024 là 59.976.000 đồng. Lãi suất từ số tiền 130.000.000 đồng là 112.216.000 đồng tính từ ngày 03/02/2020 đến ngày 06/7/2024. Nếu bà D trả hết nợ cho bà T thì bà T sẽ trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định quá trình giải quyết vụ án bà D không trả vốn lãi nên bà T yêu cầu hòa giải ở Ủy ban nhân dân xã T, bà D hứa trả mỗi tháng trả 2.500.000 đồng nhưng đến nay bà D chỉ trả được số tiền 7.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 172.500.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà D trả số vốn 172.500.000 đồng và phần lãi suất tính từ ngày hòa giải ở địa phương là ngày 29/01/2021 đến ngày 17/7/2024 theo lãi suất quy định của pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:* Ngày 06/7/2018 bà có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tiền ký tại Văn phòng C, có thể chấp phân tài sản của bà là quyền sử dụng đất thửa số 236, tờ bản đồ số 22, diện tích 41.4m<sup>2</sup> đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng đóng 6.000.000 đồng, khi đưa tiền thì bà T chỉ đưa 44.000.000 đồng, bà T lấy luôn 6.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 06/7/2018. Quá trình vay bà có đóng lãi cho bà T được khoảng 5, 6 tháng tiền lãi bà không nhớ rõ cũng không có giấy tờ gì theo dõi, đến nay chưa trả vốn.

Do lãi cao bà không đóng lãi nổi nên đến ngày 03/02/2020 dương lịch nhằm ngày 10/01/2020 âm lịch bà T viết biên nhận số tiền 180.000.000 đồng bắt buộc con bà là Đỗ Thị Thùy N1 phải ký tên nhận số tiền 180.000.000 đồng để chị N1 góp tiền trả thay cho bà. Bà xác định đây là số tiền lãi của số tiền vốn 50.000.000 đồng bà vay vào ngày 06/7/2018, con bà chỉ ký biên nhận chứ không có nhận số tiền 180.000.000 đồng này. Đối với biên nhận ngày 21/11 nhằm ngày 15/10/2018 âm lịch do bà đóng lãi không nổi của số tiền 50.000.000 đồng nên bà T đánh sẵn biên nhận và yêu cầu bà ghi nội dung vào có mượn bà T số tiền 20.000.000 đồng,

tổng cộng là 70.000.000 đồng nhưng đây là số tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà không có chứng cứ thể hiện việc này.

Tại biên bản hòa giải ở địa phương xã T chồng bà T là ông X đồng ý cho bà trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng. Sau đó, bà đã chuyển khoản trả cho bà T được số tiền 7.500.000 đồng, chuyển bằng tài khoản của con bà là Đỗ Thị Thùy N1 qua tài khoản của chồng bà T tên Trần Bảo X.

Tuy nhiên, nay bà cũng đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn còn lại và phần lãi suất theo quy định nhưng do khó khăn nên bà xin trả dần, đồng thời yêu cầu bà D trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

*Tại biên bản ghi ý kiến ngày 26/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thùy N1 trình bày:* Ngày 06/7/2018 mẹ chị là bà D có vay tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 50.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay có công chứng tại Văn phòng C, có thế chấp phần tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 236, tờ bản đồ số 22, diện tích 41.4m<sup>2</sup> đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng đóng 6.000.000 đồng, khi đưa tiền thì bà T chỉ đưa 44.000.000 đồng, bà T lấy luôn 6.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 06/7/2018. Quá trình vay bà D có đóng lãi cho bà T được khoảng 5, 6 tháng tiền lãi, chưa trả vốn. Đến ngày 21/11 dương lịch nhằm ngày 15/10/2018 âm lịch chị nghe mẹ chị nói bà T yêu cầu mẹ chị ký biên nhận số tiền 70.000.000 đồng đây cũng là số tiền vốn 44.000.000 đồng và tiền lãi chứ không có khoản vay nào là 70.000.000 đồng. Quá trình vay do lãi suất quá cao nên mẹ chị không trả vốn nổi và cũng không đóng lãi nổi nên tiếp tục đến ngày 03/02/2020 dương lịch nhằm ngày 10/01/2020 âm lịch chị có xuống nhà bà T năn nỉ bà T cho mẹ chị đóng lãi mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý và viết biên nhận yêu cầu chị phải ký tên nhận nợ cho mẹ chị số tiền 180.000.000 đồng. Chị xác định đây là số tiền vốn 44.000.000 đồng và tiền lãi từ hợp đồng vay tiền ngày 06/7/2018. Do đó, chị không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 281/2024/DSST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã quyết định (tóm tắt):*

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền tổng cộng là 291.621.600 đồng, trong đó vốn là 172.500.000 đồng, lãi 119.121.600 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/9/2024 Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D. Bà D trình bày bà chỉ vay của bà T 50.000.000 đồng, lãi mỗi tháng 6.000.000 đồng, khi vay thì bà T trừ 6.000.000 đồng tiền lãi, chỉ đưa cho bà 44.000.000 đồng. Bà D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 281/2024/DS-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành

phố Cà Mau theo hướng: Bà D chỉ trả cho bà T 44.000.000 đồng và lãi; bà T phải giao trả cho bà D giấy chứng nhận QSDĐ số CK 238373 ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Bà D chỉ nợ bà T 44.000.000 đồng tiền vốn do các căn cứ như: Bà T không có chứng cứ chứng minh bà D vay 180.000.000 đồng ngoài biên nhận do con bà D ký; hợp đồng vay 50.000.000 đồng có thể chấp giấy chứng nhận QSDĐ nhưng vay lần 2 với số tiền 130.000.000 đồng mà không có thể chấp gì là vô lý; nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày hòa giải tại địa phương, chứng tỏ số tiền 180.000.000 đồng là đã bao gồm lãi. Ngoài ra, cấp sơ thẩm tuyên trả giấy chứng nhận QSDĐ cho bà D mà không đưa chồng bà D là ông T1 vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Khi vay, đôi bên không làm thủ tục đăng ký thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ nên bà T phải trả giấy chứng nhận QSDĐ cho bà D ngay sau khi Bản án có hiệu lực. Từ những căn cứ trên, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 281/2024/DSST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo hướng buộc bà D trả cho bà T 44.000.000 đồng vốn, lãi 34.380.000 đồng. Buộc bà T trả giấy chứng nhận QSDĐ cho bà D ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng thì yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 281/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau về việc buộc bà T trả giấy chứng nhận QSDĐ cho bà D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ D nộp trong thời hạn qui định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo qui định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D về số tiền vốn vay, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tại Biên bản hòa giải về việc tranh chấp nợ tiền được ban hòa giải ấp B, xã T, thành phố C lập vào ngày 29/01/2021, giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị

Ngọc T và ông Trần Bảo X, bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ D. Tại biên bản này bà D thừa nhận có nợ bà T 180.000.000 đồng, đôi bên thỏa thuận bà D trả mỗi tháng 2.500.000 đồng. Đôi bên hòa giải thành (bút lục 09, 10). Tại biên bản này bà D không trình bày về việc chỉ vay 50.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 6.000.000 đồng và bà T chỉ đưa thực tế 44.000.000 đồng như trong đơn kháng cáo. Hơn nữa, sau khi hòa giải thành, con bà D là Đỗ Thị Thùy N1 có chuyển khoản trả 03 lần vào các tháng 4, 5, 6 năm 2021, mỗi lần 2.500.000 đồng (việc này nguyên và bị đơn đều thừa nhận).

[2.2] Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 04/9/2024 (bút lục 78), thể hiện qua hỏi đáp:

Hỏi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền 172.500.000 đồng, lãi suất 1.66% từ ngày hòa giải ở xã bà đồng ý không?

Đáp: Tôi đồng ý.

Hỏi: Bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền vay 172.500.000 đúng không?

Đáp: Đúng.

Hỏi: Bà chấp nhận trả tiền vốn 172.500.000đ và đồng ý tính lãi theo quy định pháp luật đúng không?

Đáp: Đúng.

Hỏi: Bà có yêu cầu gì khác không?

Đáp: Không.

Nguyên và bị đơn không tranh luận.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D không cung cấp chứng cứ gì mới.

[3] Từ chứng cứ là Biên nhận mượn tiền với số tiền 180.000.000 đồng được bà D thừa nhận, đến những lời thừa nhận tại phiên hòa giải tại địa phương và tại phiên tòa sơ thẩm như trên, cho thấy Bản án sơ thẩm buộc bà D thanh toán cho bà T số tiền vốn 172.500.000 đồng và áp dụng lãi suất 1,66%/tháng, là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D về yêu cầu bà T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Ngày 06/7/2018 bà Nguyễn Thị Mỹ D có vay tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 50.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tiền, có công chứng tại Văn phòng C, có thế chấp phần tài sản là quyền sử dụng đất số CK 238373, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 19/10/2017, thửa số 236, tờ bản đồ số 22, diện tích 41.4m<sup>2</sup> đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D.

Trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà D, cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bà T đều xác định hiện bà đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 238373, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 19/10/2017, đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D nhưng không đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D vì bà D chưa thanh toán tiền vay cho bà T.

[4.2] Xét thấy bà Nguyễn Thị Ngọc T không đăng ký kinh doanh cầm cố, thế chấp tài sản. Khi vay tiền, đôi bên không làm thủ tục đăng ký thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại cơ quan chức năng, nên việc bà T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà D là không đúng quy định pháp luật, cản trở việc thực hiện quyền của người sử dụng đất.

[4.3] Bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 238373 đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D là đúng nhưng có điều kiện là “khi bà D thanh toán xong khoản nợ”, là chưa đúng.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D, buộc bà T phải có trách nhiệm trả lại cho bà D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 238373, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 19/10/2017, thửa số 236, tờ bản đồ số 22, diện tích 41.4m<sup>2</sup> đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D.

[5] Đối với vấn đề thời hiệu khởi kiện do đại diện theo ủy quyền của bị đơn đặt ra, do tại cấp sơ thẩm bị đơn không yêu cầu, Bản án sơ thẩm không đề cập, xem xét nên cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét; về việc cấp sơ thẩm không đưa ông T1 là chồng bà D tham gia tố tụng, nhận thấy bà T chỉ kiện yêu cầu bà D trả nợ vay, giấy chứng nhận QSDĐ số CK 238373, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 19/10/2017, đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D, nên không cần thiết đưa chồng bà D và tham gia tố tụng.

[6] Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 281/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

[7] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 281/2024/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền tổng cộng là 291.621.600 đồng (*Hai trăm chín mươi một triệu sáu trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng*), trong đó vốn là 172.500.000 đồng, lãi 119.121.600 đồng.

*Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Mỹ D không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 238373, do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 19/10/2017, thửa số 236, tờ bản đồ số 22, diện tích 41.4m<sup>2</sup> đứng tên Nguyễn Thị Mỹ D.

3. Án phí dân sự:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí. Ngày 18/7/2024 bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.680.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0009085), được nhận lại.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Cao Khánh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Hùng Quang**

**Nguyễn Thành Lập**

**Đỗ Cao Khánh**